

TƯ DUY CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS, TS ĐINH XUÂN LÝ*

Khi bàn về phát triển xã hội, giới nghiên cứu trong nước và nước ngoài thường đề cập ở hai cấp độ khác nhau: Thứ nhất, phát triển xã hội - với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội, hoặc là một kiểu, loại chế độ xã hội nói chung; thứ hai, phát triển xã hội - biểu đạt sự phát triển lĩnh vực xã hội của xã hội tổng thể, trong mối quan hệ tương tác với các phân hệ lĩnh vực khác của đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa). Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận phát triển xã hội theo cấp độ thứ nhất.

1. Sự lựa chọn và thực thi mô hình phát triển xã hội Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

Vào đầu thế kỷ XX, các cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược lần lượt bị thất bại, cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng “đen tối như không có đường ra”. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước lúc này bao hàm cả sự bất cập quan điểm về *mô hình phát triển quốc gia* và thiết chế nhà nước. Phan Bội Châu, một trong những người yêu nước Việt Nam đầu tiên đề xướng quan điểm, sau khi đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc sẽ thiết lập nhà nước ở Việt Nam theo mô

hình quân chủ lập hiến của Nhật; chủ trương của Việt Nam Quốc dân Đảng (1927) là đánh đuổi đế quốc, xoá bỏ chế độ vua quan, thành lập dân quyền. Cụ Huỳnh Thúc Kháng, vào năm 1928 đưa ra quan điểm xứ An Nam phải có hiến pháp và nhân dân phải được tự do bầu cử. Như vậy, yêu cầu lịch sử đặt ra đầu thế kỷ XX không dừng lại ở việc tìm chọn con đường cứu nước (giải phóng dân tộc) mới mà còn đòi hỏi phải lựa chọn một *mô hình phát triển xã hội mới*, nhà nước mới và một lập trường hiến chính mới phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề lựa chọn kiểu cách mạng và

* Đại học Quốc gia Hà Nội

kiểu nhà nước; chế độ chính trị và thể chế dân chủ. Năm 1919, thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, bao gồm 8 điểm. Trong đó, ngoài những điểm liên quan đến quyền dân tộc tự quyết và quyền con người, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến vấn đề pháp quyền. Người đòi hỏi phải “Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương... Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”¹. Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* được đánh giá: “Trong lịch sử chính trị và pháp lý nước ta, đây là văn kiện pháp lý đầu tiên đặt vấn đề kết hợp khăng khít quyền tự quyết của các dân tộc với các quyền tự do, dân chủ của nhân dân; tức là kết hợp chặt chẽ quyền dân tộc và quyền con người”².

Nguyễn Ái Quốc đã tìm hiểu sâu sắc các cuộc cách mạng của thế giới, như cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp..., và Người đã rút ra kết luận: đây là những cuộc cách mạng chưa đến nơi, vì cách mạng rồi mà quyền lực vẫn nằm trong tay một bọn ít người, dân chúng vẫn bị áp bức, chưa được hưởng tự do, hạnh phúc thật sự. Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cách mạng Nga và thiết chế Nhà nước Xôviết, bởi vì chỉ có như vậy dân chúng mới được hưởng hạnh phúc tự do, bình đẳng thật. Sự lựa chọn này đã được phản ánh trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (Cương lĩnh 3-2-1930). Đó là, sau khi đánh đổ thực

dân Pháp và phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, sẽ “dựng ra chính phủ công nông binh”³. Tuy nhiên, lịch sử cho thấy đây cũng chỉ là sự lựa chọn ban đầu trong một hoàn cảnh cụ thể và dựa trên một tiêu chí hết sức căn bản đó là, sự khác nhau về bản chất giữa Nhà nước Xôviết “Chính phủ công nông binh” với nhà nước tư sản.

Tại Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) do Hồ Chí Minh chủ trì, cùng với việc điều chỉnh chỉ đạo chiến lược cách mạng nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, về vấn đề chính quyền nhà nước, Đảng chủ trương: “sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một *nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần tân dân chủ*. Chính quyền cách mạng của *nước dân chủ mới* ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thày đều được một phần tham gia giữ chính quyền,... không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và lập chính phủ dân chủ cộng hoà”⁴. Về bản chất, đây là hình thức chính phủ của tất cả các tầng lớp nhân dân. Chủ trương trên đây của Đảng đã được phản ánh cụ thể hơn trong *Chương trình Việt Minh*: “sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính

phù nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc. Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra”⁵. Như vậy, từ chủ trương về mô hình nhà nước “Chính phủ công nông binh” (1930), đến *nước Việt Nam dân chủ mới*, với thể chế nhà nước đại biểu cho toàn thể quốc dân “Chính phủ dân chủ cộng hoà” do quốc dân đại hội bầu ra, là một bước phát triển tư duy của Đảng về mô hình phát triển xã hội và thể chế nhà nước.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho Tổ quốc. Tầm vóc vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam đã vượt xa ý nghĩa lịch sử của các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới lúc bấy giờ. *Thứ nhất*, cuộc cách mạng này đã giải phóng đất nước, giải phóng nhân dân Việt Nam khỏi gông cùm áp bức, nô dịch thực dân. *Thứ hai*, cuộc cách mạng này đã xóa bỏ chế độ phong kiến - một chế độ xã hội phi dân chủ. *Thứ ba*, cuộc cách mạng này đã tạo dựng những tiền đề, cơ sở để người Việt Nam “bỏ qua” mô hình phát triển xã hội tư bản chủ nghĩa, thiết lập mô hình phát triển xã hội mới - xã hội XHCN.

Thực hiện đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ (3-9-1945), ngày 6-1-1946, đã diễn ra cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử Việt Nam để lựa chọn những đại biểu chân chính vào Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân

chủ Cộng hoà. Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá I (2-3-1946) khẳng định: “Chủ quyền của nước Việt Nam độc lập thuộc về toàn thể nhân dân Việt Nam. Vận mệnh quốc gia Việt Nam là ở trong tay Quốc hội Việt Nam, chính thể của nước Việt Nam là chính thể dân chủ cộng hoà có nhiệm vụ bảo vệ tự do và mưu đồ hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân”⁶.

Tháng 11-1946, Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban soạn thảo được Quốc hội thông qua. Hiến pháp quy định quyền làm chủ Nhà nước của nhân dân, quy định quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam. Hiến pháp khẳng định: “Nước Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (Điều 1).

Với cuộc Tổng tuyển cử (6-1-1946) và Hiến pháp được ban hành (11-1946), đã đánh dấu việc hình thành thể chế nhà nước dân chủ ở Việt Nam, đặt nền tảng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đại hội Đảng lần thứ II (tháng 2-1951) đã thông qua *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam*, trong đó xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong

kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”⁷.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thắng lợi, miền Bắc được giải phóng, Đảng xác định cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, tiến hành đồng thời ở hai miền: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Việc lựa chọn xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là Đảng đã định hướng mô hình phát triển xã hội miền Bắc theo con đường XHCN.

Sau khi miền Nam được giải phóng, Tổ quốc thống nhất, Đại hội lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã đề ra đường lối chung của cách mạng XHCN trong giai đoạn mới ở nước ta là: “Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu;

không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”⁸.

Đường lối chung của cách mạng XHCN ở nước ta được đề ra tại Đại hội lần thứ IV, đã thể hiện quan niệm của Đảng về mô hình phát triển xã hội XHCN ở Việt Nam. Và, có thể thấy, từ định hướng mô hình phát triển xã hội (ở miền Bắc) theo con đường XHCN, đến Đại hội Đảng lần thứ IV (năm 1976), mô hình phát triển xã hội theo con đường XHCN đã được bổ sung, cụ thể hóa thông qua việc thể hiện mục tiêu, nhiệm vụ, động lực, phương thức, giải pháp tạo dựng một chế độ xã hội XHCN.

2. Quan điểm cơ bản của Đảng về phát triển xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986), trên cơ sở đánh giá khách quan tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội, đã chỉ rõ những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng của đất nước, đó là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan. Khi nhận định nguyên nhân dẫn đến những sai lầm, khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng ta thẳng thắn

nhận định đó là “những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện”⁹. Đại hội lần thứ VI xác định: “Đảng phải đổi mới về nhiều mặt...đổi mới là con đường vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại, đổi phó thắng lợi với mọi thử thách, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn”¹⁰.

Đại hội lần thứ VI đã thể hiện bước đổi mới tư duy của Đảng về phát triển kinh tế và xã hội, thông qua động thái khởi đầu là đổi mới tư duy về kinh tế - một phân hệ lĩnh vực trụ cột của phát triển xã hội, nhằm từ bỏ cơ chế cũ, mô hình kinh tế cũ, mở đường cho việc xác lập mô hình kinh tế mới, tạo nền tảng cho sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Để tiến tới xác lập mô hình phát triển xã hội trong thời kỳ đổi mới, Nghị quyết Đại hội VI đề ra yêu cầu xúc tiến việc xây dựng cương lĩnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6-1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó trình bày quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà nhân dân ta sẽ xây dựng, với các đặc trưng cơ bản:

“- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”¹¹.

Trên cơ sở tổng kết các vấn đề về quan điểm, đường lối chiến lược của cách mạng nước ta, trong *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)* Đảng ta đã đưa ra những nét phác thảo cơ bản mô hình tổng quát về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ, đó là: “Đề đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần cho xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; thực hiện đại đoàn kết dân tộc; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh

quốc gia; tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế vì hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển”¹².

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (4-2006), từ việc đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và nhìn lại 20 năm đổi mới, đã bổ sung, phát triển *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó thể hiện quan niệm của Đảng về những đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là “một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới”¹³.

Mô hình phát triển xã hội trên đây vừa thể hiện những đặc trưng cơ bản của chế độ XHCN, vừa bao hàm những đặc thù về lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của nước ta. Quan niệm của Đảng tại Đại hội lần thứ X về mô hình phát triển xã hội XHCN ở nước ta, là

sự tổng quát của 4 mô hình phát triển cụ thể (4 phân hệ lĩnh vực), đó là: Mô hình phát triển kinh tế; Mô hình phát triển chính trị; Mô hình phát triển văn hoá; Mô hình phát triển xã hội (theo nghĩa hẹp - khía cạnh xã hội của xã hội tổng thể).

Thực tế cho thấy, tư duy của Đảng về những mô hình phát triển cụ thể nêu trên không phải đã được khẳng định ngay từ những năm đầu của sự nghiệp đổi mới, mà trải qua một quá trình hình thành, bổ sung, phát triển, với điểm khởi phát là Đại hội Đảng lần thứ VI và được định hình rõ nét hơn ở Đại hội lần thứ X. Trải qua 20 năm đổi mới, “Đảng đã hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”¹⁴. Nhưng theo biện chứng của sự phát triển, tư duy, nhận thức của Đảng về xã hội vẫn tiếp tục không ngừng được bổ sung, phát triển trong thời gian tới, khi hoàn cảnh, điều kiện đặt ra những yêu cầu mới. Đó là lý do để Đảng ta quyết định “Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh* làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội”¹⁵.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*: CTQG, H, 1995, T.1, tr.435.

2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác -

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, CTQG, H, 2003, tr.258

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2002, T.2, tr.95

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.7, tr.114; 127, 150

6. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, CTQG, H, 1994, tr.76

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2001, T.12, tr.434

8, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, ST, H, 1977, tr. 67, 213

10. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, ST, H 1987, tr.124-125

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, ST, H, 1991, tr.111-112

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban chỉ đạo tổng kết lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, CTQG, H, 2005, tr.172

13, 15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr. 68, 72-73

14. Nguyễn Phú Trọng: “Cương lĩnh chính trị - ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta”, *Tạp chí Cộng sản*, 2-2010, tr.18.

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12...

(Tiếp theo trang 6)

Trên cơ sở tổng kết công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương từ khóa VI đến khoá X, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, xác định yêu cầu xây dựng Ban Chấp hành Trung ương; tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; số lượng, cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; quy trình xây dựng phương hướng công tác nhân sự và phát hiện, giới thiệu, lựa chọn nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Tại Hội nghị lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương cũng thảo luận, tán thành và góp một số ý kiến bổ sung về việc phân bổ đại biểu, tổng số đại biểu dự Đại hội XI của Đảng và một số vấn đề quan trọng khác.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, Nghị quyết Đại hội X của Đảng; tổ chức thành công những ngày kỷ niệm lớn của đất nước trong năm 2010 và đại hội đảng các cấp; có nhiều đóng góp có giá trị cho việc hoàn thiện các văn kiện đại hội và chuẩn bị đầy đủ mọi mặt, đảm bảo thành công Đại hội XI của Đảng vào đầu năm 2011.